KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	3,980 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.2%	0.8%	-6.1%

DT thuần — 2024: **142** tỷ VNĐ — YoY ▲ 42.1 ▲ 42.0%

LN gộp — 2024: **24.2** tỷ VNĐ — YoY ▲ 2.40 ▲ 10.9%

LN thuần — 2024: **0.74** tỷ VNĐ — YoY ▲ 0.09 ▲ 13.8%

LN sau thuế — 2024: **1.50** tỷ VNĐ — YoY ▲ 0.17 ▲ 12.4%

ROE — 2024: **0.7%** — +/- YoY ▲ 0.1%

ROA — 2024: **0.2%**

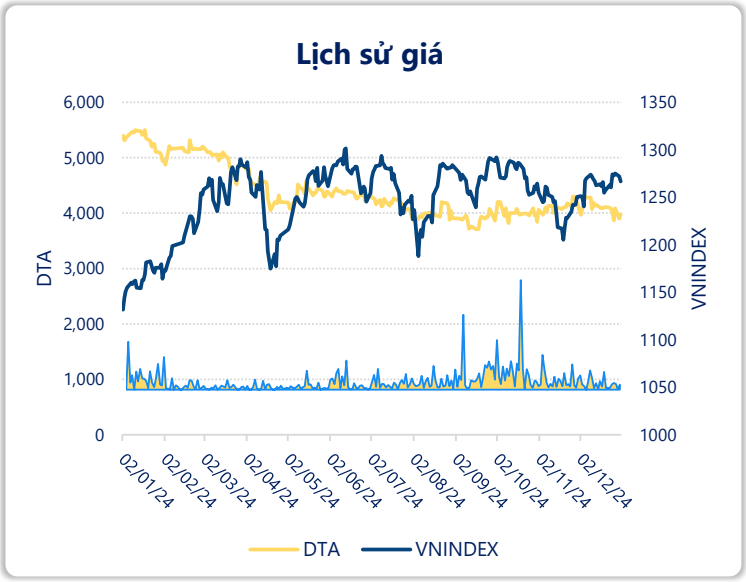

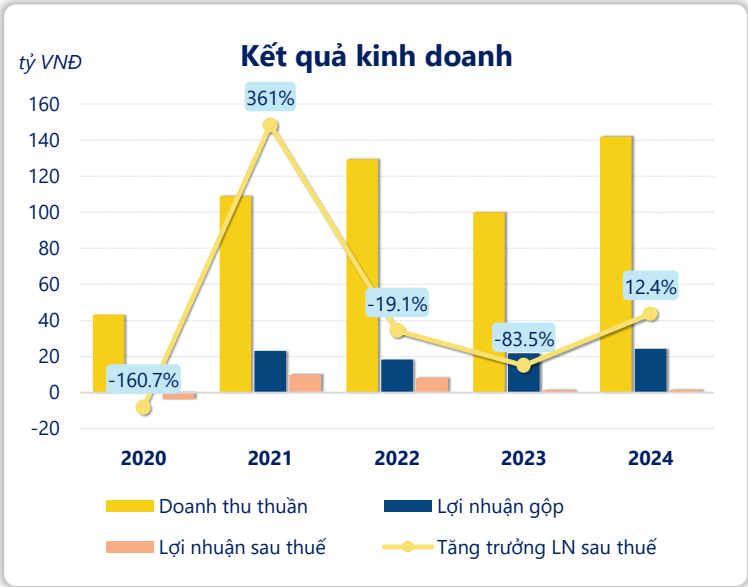

Kết quả kinh doanh **DTA** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 42.0%** đạt **141.9** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 12.4%** đạt **1.50** tỷ đồng.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **0.74%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

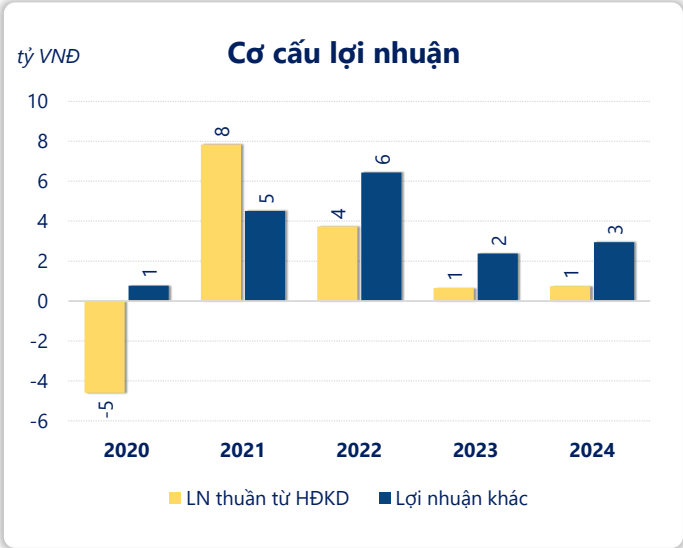

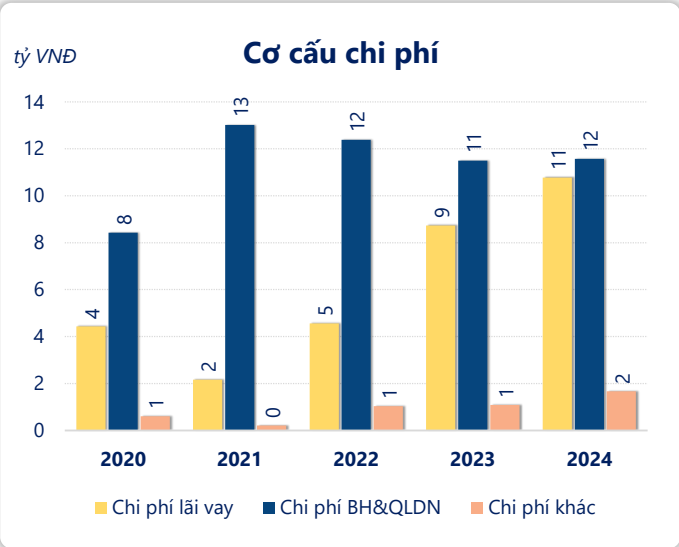

Năm **2024**, **DTA** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **0.74** tỷ đồng, **tăng lên 0.09** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (1.67 tỷ đồng) là 0.94 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **10.78** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **11.58** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.67** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của DTA năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **0.74%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.

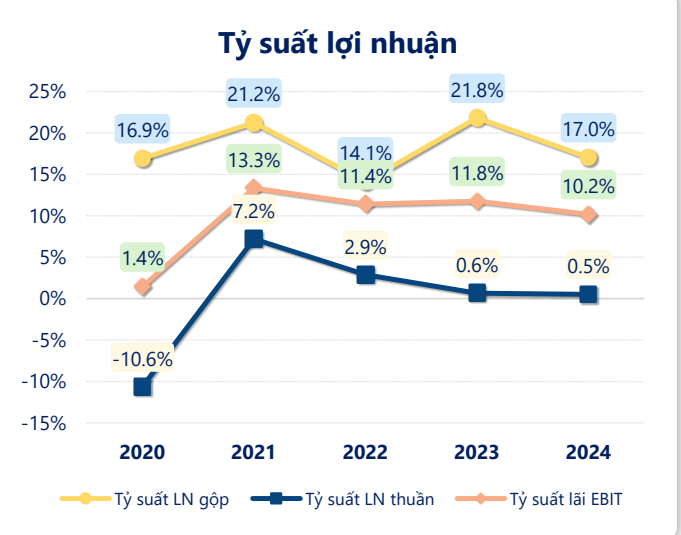

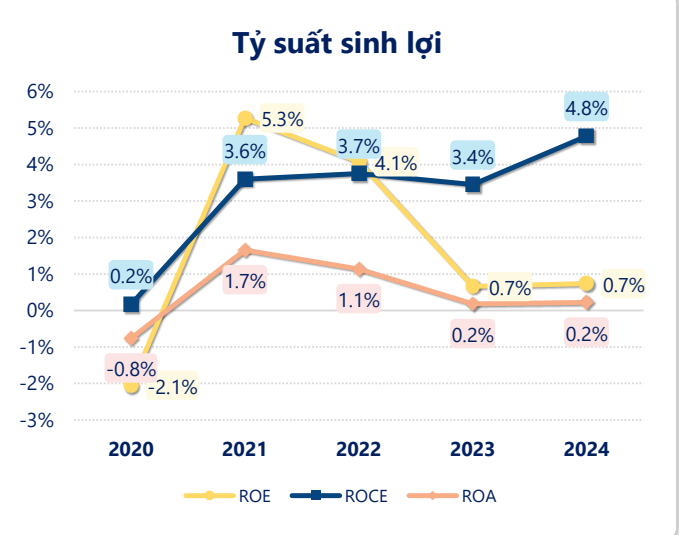

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**43.1**	**109**	**129**	**99.9**	**142**
Giá vốn hàng bán	35.8	85.7	111	78.1	118
Lợi nhuận gộp	**7.31**	**23.1**	**18.3**	**21.8**	**24.2**
Doanh thu HĐTC	0.97	2.60	2.38	0.42	0.39
Chi phí TC	4.44	4.86	4.56	10.1	12.2
Chi phí lãi vay	**4.44**	**2.16**	**4.56**	**8.73**	**10.8**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.32	6.70	5.04	2.33	3.36
Chi phí QLDN	5.10	6.33	7.34	9.16	8.21
LN thuần từ HĐKD	**-4.59**	**7.83**	**3.73**	**0.65**	**0.74**
Lợi nhuận khác	0.77	4.51	6.44	2.39	2.95
LN trước thuế	**-3.81**	**12.3**	**10.2**	**3.03**	**3.68**
Lợi nhuận sau thuế	**-3.81**	**9.97**	**8.06**	**1.33**	**1.50**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.81**	**9.97**	**8.06**	**1.33**	**1.50**

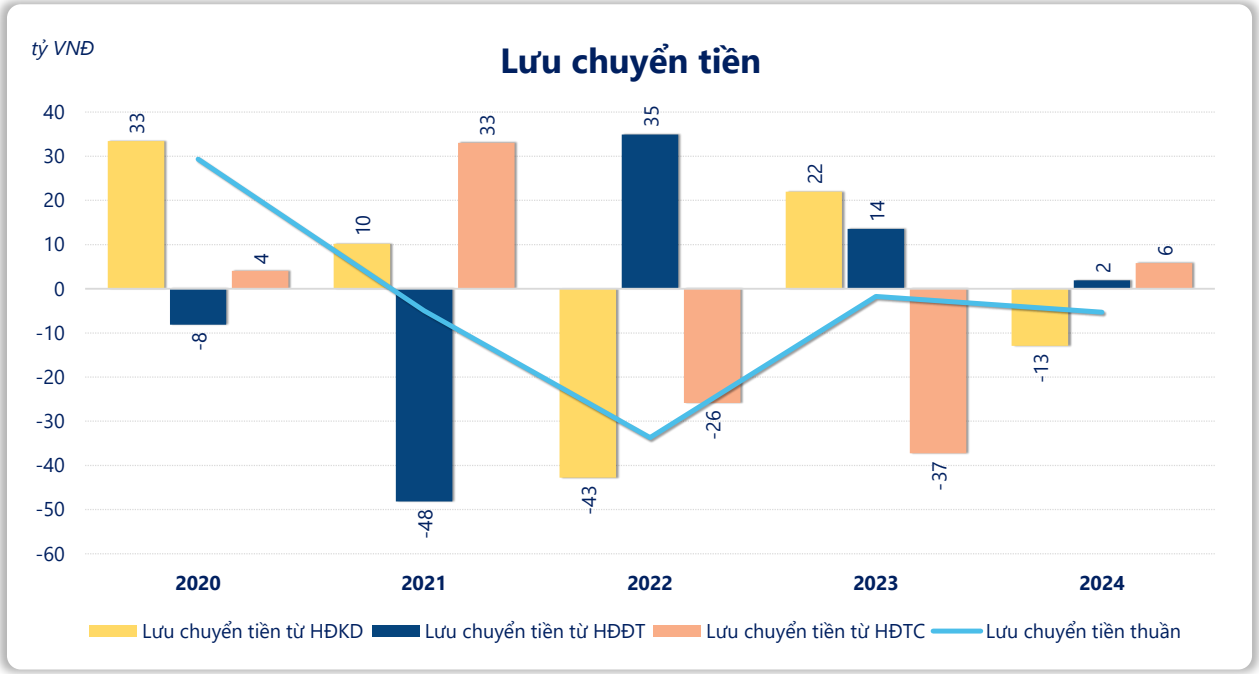

Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của DTA bằng **-5.28** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (-1.72 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-12.94** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **1.88** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **5.77** tỷ đồng.